

Số: 37/BC-HĐND

Quảng Trị, ngày 02 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2015 của Chính Phủ và Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 485/NQ-HĐND, ngày 28/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chương trình giám sát năm 2019, Thường trực HĐND tỉnh đã thành lập đoàn giám sát, xây dựng kế hoạch, tổ chức giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 và Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đất ở và kinh phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã khu vực III, thôn, bản đặc biệt khó khăn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019 - 2022. Sau khi nghiên cứu báo cáo, làm việc trực tiếp với các đơn vị, địa phương, Đoàn báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Công tác tổ chức, triển khai và kiểm tra việc thực hiện

1. Tình hình triển khai tổ chức thực hiện

a) Đối với Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020.

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành quyết định phê duyệt các dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng của 13 đơn vị, trong đó 10 đơn vị triển khai thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP bao gồm: 05 huyện thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là hỗ trợ trồng rừng sản xuất (*Hương Hóa, Đakrông, Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh*) và 05 đơn vị thực hiện nhiệm vụ trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng (*Ban quản lý rừng phòng hộ Hương Hóa - Đakrông; Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực Sông Bến Hải; Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông; Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa; Ban quản lý Dự án BVPTTR Khu vực biên giới huyện Đakrông*).

Hàng năm UBND tỉnh đã có các quyết định phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững cho các đơn vị tổ chức thực hiện.

UBND tỉnh và các huyện đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020.

b) Đối với Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đất ở và kinh phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã khu vực III, thôn, bản đặc biệt khó khăn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019 - 2022

Để triển khai thực hiện nghị quyết UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 5062/KH-UBND ngày 08/11/2018 trong đó ngân sách tỉnh ưu tiên bố trí thực hiện hỗ trợ tạo mặt bằng đất ở và kinh phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (CNQSD đất ở) các huyện Hướng Hóa, Vĩnh Linh. Thực hiện kế hoạch UBND tỉnh, UBND huyện Hướng Hóa và Vĩnh Linh đã ban hành các Quyết định phân bổ kinh phí để cấp xã thực hiện chi trả hỗ trợ hộ gia đình tạo mặt bằng đất ở theo Nghị quyết 10/NQ-HĐND.

2. Công tác tham mưu, hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra:

Đối với Nghị định số 75/2015/NĐ-CP, Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị đã quan tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, chủ rừng trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác giao rừng, khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ trồng rừng sản xuất. Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững có tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

Đối với Nghị quyết số 10/NQ-HĐND: Ngày 08/11/2018 UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch số 5062/KH-UBND; ngày 26/7/2019 ban hành văn bản số 3348/UBND-NN chỉ đạo đôn đốc các huyện triển khai thực hiện chính sách giải ngân đúng quy định. Ngoài ra, Ban Dân tộc đã hướng dẫn UBND các huyện xây dựng kế hoạch triển khai, chủ động phối hợp các BQL rừng phòng hộ, công ty lâm nghiệp, các tổ chức trên địa bàn thống nhất quy mô, vị trí trình UBND tỉnh thu hồi tạo quỹ đất để giao cho các xã; văn bản hướng dẫn các huyện ưu tiên hỗ trợ hạng mục đất sản xuất cho các hộ gia đình đang thiếu đất để có đất đai phát triển sản xuất và làm cơ sở để những năm tiếp theo bố trí kinh phí thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

II. Kết quả thực hiện

1. Đối với Nghị định số 75/2015/NĐ-CP

Việc thực hiện số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 có ý nghĩa rất thiết thực đối với công tác bảo vệ rừng cũng như phát triển kinh tế cho các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số và các hộ nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

a) Kết quả công tác giao rừng

UBND tỉnh đã giao 02 Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông, và Bắc Hướng Hóa quản lý 58.799 ha rừng đặc dụng; 03 Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa – Đakrông, lưu vực Sông Bền Hải, lưu vực sông Thạch Hãn quản lý 45.434 ha rừng phòng hộ; Công ty TNHH Một thành viên lâm nghiệp Bền Hải quản lý: 927,6 ha rừng đặc dụng, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên; rừng tự nhiên do UBND các xã quản lý: 13.708 ha; trong đó rừng tự nhiên giao cho cộng đồng dân cư và hộ gia đình quản lý theo NĐ 75 với diện tích là 9.673 ha trên địa bàn các xã thuộc khu vực II, III ở huyện Hướng Hóa, Đakrông và Vĩnh Linh.

Sau khi Nghị định số 75/2015/NĐ-CP hỗ trợ một phần kinh phí bảo vệ đối với diện tích rừng tự nhiên do xã quản lý, công tác giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình và cộng đồng quản lý đã được Chính quyền địa phương, người dân đồng thuận cao và đã tạo được động lực phát triển kinh tế cho hộ và cộng đồng thông qua hoạt động BV&PTR. Góp phần nâng cao vai trò trách nhiệm của mọi người trong việc tham gia BV&PTR, thông qua quy ước BVR, kế hoạch quản lý rừng cộng đồng phát huy được các luật tục tốt đẹp tại địa phương, tạo sự gắn kết giữa người dân sống gần rừng với nhau, chia sẻ lợi ích hài hòa giữa nhà nước và nhân dân. Vì quản lý chặt chẽ nên rừng sẽ được bảo vệ, tăng độ che phủ của, nâng cao chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái.

b) Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

Hàng năm, các Ban quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ đã thực hiện việc giao khoán bảo vệ rừng cho khoảng 1.200 lao động địa phương và 20 cộng đồng thôn, bản trên địa bàn tỉnh nhận khoán bảo vệ rừng với diện tích trên 45.000 ha rừng tự nhiên và rừng trồng phòng hộ. Trong đó nguồn kinh phí chủ yếu thực hiện khoán bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP là Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững. Tổng diện tích giao khoán bảo vệ từ năm 2016 đến năm 2019 là 138.185 lượt/ha, kinh phí là 48.561 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Năm 2016, diện tích giao khoán là 29.495 ha, kinh phí 6.196 triệu đồng.
- Năm 2017, diện tích giao khoán là 36.230 ha, kinh phí 13.083 triệu đồng.
- Năm 2018, diện tích giao khoán là 36.230 ha, kinh phí 13.564 triệu đồng.
- Năm 2019, diện tích giao khoán là 36.230 ha, kinh phí 15.720 triệu đồng.

Ngoài chính sách hỗ trợ của Nhà nước, đối với một số khu vực nhà máy thủy điện đã đi vào hoạt động (Rào Quán, Hạ Rào Quán, Đakrông 1, Đakrông 2, Đakrông 3 và Thủy điện La La) hàng năm nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh khoảng 10 - 14 tỷ đồng để thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng. Mỗi năm hỗ trợ cho khoảng 2.500 hộ gia đình, cá nhân, 13 cộng đồng

dân cư thôn và 18 chủ rừng là tổ chức với tổng diện tích rừng được chi trả tiền DVMTR là 50.454,0ha.

Thông qua Chương trình 30a, Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và một số dự án khác đã hỗ trợ cho các hộ gia đình, cộng đồng dân tộc thiểu số tích cực nhận khoán bảo vệ rừng, góp phần nâng cao đời sống, giải quyết việc làm, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng phòng hộ, đặc dụng giảm đi đáng kể.

c) Hỗ trợ trồng rừng sản xuất:

Chương trình đầu tư bảo vệ và phát triển rừng (nay là Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững) đã hỗ trợ trồng rừng sản xuất cho các hộ gia đình trên địa bàn 2 huyện Hướng Hóa và Đakrông thuộc Khu vực II, III theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP thông qua Ban quản lý dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng của huyện. Năm 2016 đã hỗ trợ huyện Hướng Hóa 700.000.000 đồng để TRSX 200 ha; huyện Đakrông 900.000.000 đồng để TRSX 200 ha; năm 2018 hỗ trợ huyện Hướng Hóa 100.000.000 đồng để TRSX 22,4 ha; Đakrông 100.000.000 đồng để TRSX 20 ha; Năm 2019: hỗ trợ huyện Hướng Hóa 100.000.000 đồng để TRSX 22,4 ha; Đakrông 100.000.000 đồng để TRSX 20 ha. Kinh phí hỗ trợ trồng rừng sản xuất chủ yếu là hỗ trợ cây giống, phân bón và một phần chi phí nhân công cho người dân tham gia trồng rừng. Tuy với mức hỗ trợ không nhiều nhưng hầu hết các địa phương người dân rất phấn khởi tiếp nhận sự hỗ trợ từ dự án để hộ gia đình tự tổ chức trồng rừng với sự đầu tư thâm canh cao hơn, mang lại hiệu quả kinh tế hơn.

d) Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ:

Trên địa bàn toàn tỉnh, đối tượng quy hoạch đất trồng rừng phòng hộ được giao cho các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng tổ chức quản lý, trồng rừng phòng hộ và không giao các hộ gia đình, vì vậy các hộ gia đình chỉ được hưởng lợi các chi phí nhân công khi tham gia trồng rừng theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

e) Chính sách tín dụng cho vay và hỗ trợ lãi suất: đến nay vẫn chưa được thực hiện.

2. Đối với Nghị quyết số 10/NQ-HĐND

UBND tỉnh đã phân bổ 1.816 triệu đồng cho 02 huyện Hướng Hóa và Vĩnh Linh thực hiện nghị quyết. Trong đó huyện Hướng Hóa: 1.671 triệu đồng; huyện Vĩnh Linh: 145 triệu đồng. Đến nay huyện Hướng Hóa đã phân bổ kinh phí cho các xã: Húc, Ba Tầng, Hướng Lộ, thị trấn Lao Bảo thực hiện chi trả hỗ trợ cho các hộ gia đình để tạo mặt bằng đất ở với kinh phí 673,800 triệu đồng.

Hiện nay huyện Đakrông đang tiến hành rà soát, bóc tách chuyên đổi diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu chuyên đổi giao cho địa phương quản lý, sử

dụng 3.632,8ha; huyện Vĩnh Linh và công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bến Hải đang triển khai thực hiện giao đất cho các địa phương (dự kiến 998ha). Đây là quỹ đất sản xuất quan trọng để thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. Tồn tại, hạn chế và kiến nghị đề xuất

1. Tồn tại hạn chế

a) Nghị định số 75/2015/NĐ-CP

- Công tác tổ chức triển khai và rà soát đối tượng thụ hưởng Nghị định 75/2015/NĐ-CP chưa được cập nhật và thông tin đầy đủ, do đó vẫn còn nhiều cán bộ xã, ban thôn và người dân chưa tiếp cận được các nội dung triển khai trên địa bàn nên thiếu sự phối hợp trong công tác quản lý và giao khoán bảo vệ rừng.

- Đối với chính sách hỗ trợ khoán bảo vệ rừng: Hàng năm các BQL thực hiện giao khoán bảo vệ rừng cho người dân địa phương thông qua hình thức thành lập tổ giao khoán. Một số địa phương người nhận giao khoán trực tiếp ký kết hợp đồng nhưng vẫn còn một số địa phương như: Linh Thượng, Vĩnh Ô, Vĩnh Hà thì hợp đồng giao khoán do tổ trưởng hoặc cộng đồng thôn do trưởng thôn đại diện ký. Vì vậy, các hộ gia đình nhận giao khoán sẽ rất khó thực hiện nội dung hỗ trợ tín dụng vay vốn, phát triển chăn nuôi trồng trọt lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng.

- Đối với chính sách hỗ trợ trồng rừng phòng hộ: Hàng năm tỉnh bố trí kinh phí giao khoán trồng rừng tương đối lớn nhưng cộng đồng thôn, bản và người dân sống gần rừng chưa được giao khoán trồng rừng để tạo công ăn việc làm, thu nhập trực tiếp từ hoạt động trồng rừng, góp phần nâng cao đời sống, xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất cho đồng bào DTTS.

- Hầu hết diện tích rừng tự nhiên giao cho hộ và cộng đồng chủ yếu là rừng nghèo, có trữ lượng thấp, chất lượng rừng kém, lâm sản ngoài gỗ ít và nằm ở nơi xa khu dân cư, địa hình phức tạp đi lại khó khăn ảnh hưởng lớn đến công tác BVR và hưởng lợi.

b) Đối với Nghị quyết số 10/NQ-HĐND

- Công tác triển khai nghị quyết ở các địa phương thực hiện chậm. Năm 2019 tỉnh đã bố trí kinh phí hỗ trợ đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nhưng đến nay các huyện vẫn chưa bố trí hết vốn cho đơn vị triển khai thực hiện.

- Một số địa phương không còn quỹ đất sản xuất để giao cho các hộ gia đình do đó việc bố trí kinh phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND còn gặp khó khăn.

- Công tác bàn giao đất rừng phòng hộ ít xung yếu chuyển sang đất rừng sản xuất cho các địa phương chậm do chưa có quy hoạch chi tiết.

- Do tập quán canh tác du canh, du cư nên vẫn còn trường hợp đất nương rẫy, đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số chồng lấn trong diện tích đất thuộc quản lý của các BQL rừng và công ty lâm nghiệp nhưng đến nay vẫn chưa được rà soát, khoanh vùng, bóc tách theo mục d, điều 2 Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh, do đó vẫn xảy ra trường hợp tranh chấp đất giữa người dân và các BQL rừng và các công ty lâm nghiệp.

2. Kiến nghị, đề xuất đối với UBND tỉnh:

- Tăng cường công tác chỉ đạo, thực hiện Nghị định 75/NĐ-CP và Nghị quyết 10/NQ-HĐN để nhân dân trên địa bàn các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được tiếp cận và hiểu rõ chính sách, nhằm tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện.

- Tổ chức đánh giá hiệu quả tác động của việc thực hiện Nghị định 75/NĐ-CP đối với việc bảo vệ phát triển rừng gắn với giảm nghèo nhanh, bền vững và việc hỗ trợ các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Chỉ đạo các đơn vị quản lý trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng (*Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông; Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực Sông Bến Hải; Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông; Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa*) tăng cường phối hợp với chính quyền và các tổ chức đoàn thể tại địa phương trong công tác triển khai, thực hiện Nghị định 75/NĐ-CP thật sự có hiệu quả.

- Tăng diện tích giao khoán bảo vệ và khoán bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trực tiếp cho các hộ gia đình để người dân được hưởng lợi kinh phí bảo vệ rừng và được chia sẻ lợi ích từ rừng nhận khoán bảo vệ.

- Giao khoán trồng rừng phòng hộ cho cộng đồng thôn để tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương.

- Những diện tích đất nương rẫy, đất sản xuất ổn định của người dân chồng lấn trong diện tích quản lý của các BQL, các công ty lâm nghiệp nhưng thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương liên quan sớm bóc tách giao lại cho dân theo Nghị quyết 29/NQ-HĐN ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; những diện tích đất nương rẫy, đất sản xuất của người dân chồng lấn trong diện tích quản lý của các BQL, các công ty lâm nghiệp nhưng thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ, đề nghị UBND tỉnh kiến nghị tổng hợp kiến nghị trình Chính phủ xem xét, chuyển đổi mục đích từ đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang đất sản xuất để giao lại cho các hộ dân.

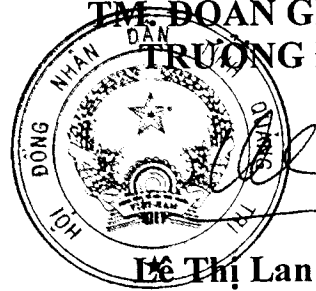
- Chỉ đạo các huyện và xã thực hiện rà soát quỹ đất để cấp cho nhân dân đồng thời đẩy nhanh tiến độ và giải ngân nguồn vốn được cấp theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐN.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát Thường trực HĐND tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 và Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đất ở và kinh phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã khu vực III, thôn, bản đặc biệt khó khăn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019 - 2022././.

Nơi nhận:

- Hội đồng Dân tộc của QH;
- VP Chính phủ;
- UB Dân tộc;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐ UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- TV Đoàn GS;
- Sở NN&PTNN, Ban dân tộc tỉnh;
- Lđ VP HĐND tỉnh;
- UBND huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Gio Linh, Vĩnh Linh;
- Lưu ĐGS, VT, DT.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỜNG ĐOÀN**



Lê Thị Lan Hương
(Trưởng ban Dân tộc HĐND tỉnh)